

Karmapa III: LỜI NGUYỆN ĐẠI THỦ ẤN LIỄU NGHĨA

Tác giả (author): the 3rd Karmapa Rangjung Dorje (1284–1339),



Phật Kim Cang Trì

Tiếng Việt

LỜI NGUYỆN ĐẠI THỦ ẤN LIỄU NGHĨA Đức Rangjung Dorje (Karmapa III) soạn tác

Hồng Như chuyển Việt ngữ - Bản dịch lại từ Tạng ngữ - 09 tháng 01, 2022, xin dùng bản này thay cho các bản dịch trước đây.

Điều kiện hành trì: Mọi người đều có thể đọc, nhưng cần nương bậc đạo sư đủ khả năng khai thị để hành trì.

ནམ་གུ་ལྷ།

Nam mô Thượng Sư

SI. KHAI TỤNG

#1.

སྐུ་མ་རྣམས་དང་ཡི་དམ་དཀྱིལ་འཁོར་ལྷ།

Thượng sư; bốn tôn khắp mạn đà la;

ཕྱིགས་བཅུ་གསུམ་རྒྱལ་བ་སྲས་དང་བཅས། །
Mười phương ba thời Phật đà bồ tát,
བདག་ལ་བཅུ་དགོངས་བདག་གི་སྒྲིན་ལམ་རྣམས། །
Xin thương chúng con, lắng nghe nguyện này,
ཇི་བཞིན་འགྲུབ་པའི་མཐུན་འགྲུར་བྱིན་རྒྱལ་མཛད། །
Và hộ trì cho nguyện thành sự thật.

§II. PHẦN CHÍNH

§II.A. LỜI NGUYỆN TỔNG QUÁT

#2.
བདག་དང་མཐའ་ཡས་སེམས་ཅན་ཐམས་ཅད་ཀྱི། །
Con cùng hết thầy chúng sinh vô biên,
བསམ་སྦྱོར་རྣམ་དག་གངས་རི་ལས་སྐྱེས་པའི། །
Tâm, hạnh sạch trong như đỉnh núi tuyết,
འཁོར་གསུམ་སྟོག་མེད་དགོ་ཚོགས་རྒྱུན་རྣམས། །
Tam luân không nhiễm, công đức suốt tràn,
རྒྱལ་བ་སྐྱེ་བཞིན་རྒྱ་མཚོར་འཇུག་གྱུར་ཅིག
Nguyện nhập biển rộng tứ thân Thế tôn.

§II.B. LỜI NGUYỆN CHI TIẾT HƯỚNG BỐ ĐỂ

§II.B.1. NGUYỆN ĐỦ THẮNG DUYÊN

§II.B.1.a. NGUYỆN ĐỦ THẮNG DUYÊN: LỜI NGUYỆN TỔNG QUÁT

#3.
ཇི་སྲིད་དེམ་ཐོབ་པ་དེ་སྲིད་དུ། །
Trước khi thực hiện được nguyện ước ấy,
སྐྱེ་དང་སྐྱེ་བ་ཚེ་བས་ཀུན་ཏུ་ཡང། །
Nguyện mọi đời kiếp tái sinh về sau,
སྲིག་དང་སྲུག་བསྐྱེ་བ་ལ་ཡང་མི་གྲག་ཅིང། །
Đến chữ “ác”, “khổ” cũng không nghe thấy,
བདེ་དགོ་རྒྱ་མཚོའི་དཔལ་ལ་སྦྱོར་པར་ཤོག
Hưởng trọn biển rộng công đức an vui.

§II.B.1.b. NGUYỆN ĐỦ THẮNG DUYÊN: LỜI NGUYỆN ĐẶC THÙ

#4.
དལ་འབྱོར་མཚོག་ཐོབ་དང་བརྩོན་ཤེས་རབ་ལྡན། །
Đạt thân hạ mãn, đủ tín cần tuệ,
བཤེས་གཉེན་བཟང་བསྟེན་གདམས་པའི་བཅུད་ཐོབ་ནས། །
Nương thiện tri thức, thọ pháp khai thị,
རྒྱལ་བཞིན་སྐྱེ་བར་ཆད་མ་མཆིས་པར། །

Nguyện tu đúng cách, chướng ngại đều không,
ཚོར་བ་ཀྱན་ཏུ་དམ་ཚཱ་སྐྱོད་པར་ཤོག
Đời đời kiếp kiếp vui cùng diệu pháp.

§II.B.2. NGUYỆN ĐẠT TUỆ GIÁC TOÀN HẢO CHỨNG ĐẠO

#5.

ལུང་རིག་ཐོས་པས་མི་ཤེས་སྐྱིབ་ལས་གྲོལ། །
Nghe giáo và lý, thoát chướng vô tri; [văn tuệ]
མན་ངག་བསམ་པས་ཐེ་ཚོམ་སྲུན་ནག་བཅོམ། །
Nghe rồi tư duy, phá đêm nghi hoặc; [tư tuệ]
སྒོམ་བྱུང་འོད་གྱིས་གནས་ལུགས་ཇི་བཞིན་གསལ། །
Ánh sáng tu tập soi tỏ tánh như : [tu tuệ]
ཤེས་རབ་གསུམ་གྱི་སྒྲུབ་བ་རྒྱས་པར་ཤོག
Nguyện tam tuệ quang đều luôn tăng trưởng.

§II.B.3. NGUYỆN ĐƯỜNG TU KHÔNG LẦM LẠC

#6.

རྟུག་ཆད་མཐའ་བྲལ་བ་དེན་གཉིས་གཞི་ཡི་དོན། །
Nhị đế là nền, siêu việt thường, đoạn;
ལྷོ་སྐར་མཐའ་བྲལ་ཚོགས་གཉིས་ལམ་མཚོག་གིས། །
Nhị lương là đạo, siêu việt lấy, bỏ;
སྲིད་ཞིའི་མཐའ་བྲལ་དོན་གཉིས་འབྲས་ཐོབ་པའི། །
Nhị lợi là quả, siêu việt tất cả luân hồi, niết bàn:
གོལ་འཇུག་མེད་པའི་ཚོས་དང་འཕྲད་པར་ཤོག
Nguyện con gặp được Pháp không lầm lạc.

§II.B.4. NGUYỆN PHÁP TU KHÔNG LẦM LẠC

§II.B.4.a. NGUYỆN PHÁP TU KHÔNG LẦM LẠC: LỜI NGUYỆN TỔNG QUÁT

#7.

སྐྱུང་གཞི་སེམས་ཉིད་གསལ་སྐྱོད་བྱུང་འཇུག་ལ། །
Nền tảng căn tịnh chính là tự tâm, sáng-không hợp nhất;
སྐྱུང་བྱེད་ཕྱག་ཚེན་དོན་ཉི་རྣམ་འབྱོར་ཚོས། །
Điều khiển cho tịnh là đại thủ ấn du già kim cang;
སྐྱུང་བྱེད་སྐོ་བུར་འབྲལ་བའི་རི་མ་རྣམས། །
Làm cho tịnh đi hết thảy cấu nhiễm vọng tâm sinh diệt,
སྐྱུང་འབྲས་རི་བྲལ་ཚོས་སྐྱེ་མེད་ལྷུང་ཤོག
Nguyện nhờ như vậy hiển lộ quả tịnh: ly cấu pháp thân.

§II.B.4.b. NGUYỆT CHO PHÁP TU KHÔNG LẦM LẠC : LỜI NGUYỆT RIÊNG CHO KIẾN, TU, HẠNH (NGẮN)

#8.

གཞི་ལ་སྒྲོ་འདོགས་ཚད་ལ་ལྟ་བའི་གདེངས། །

Diệt vọng về thể là tự tại kiến;

དེ་ལ་མ་ཡིངས་སྒྲོང་བ་སྒྲོམ་པའི་གནད། །

Giữ kiến không quên là lỗi pháp tu;

སྒྲོམ་དོན་ཀུན་ལ་སྤུ་སྒྲུང་སྒྲུབ་པའི་མཚན། །

Tu gì làm nấy là thù thắng hạnh:

ལྟ་སྒྲོམ་སྒྲུབ་པའི་གདེང་དང་ལྡན་པར་ཤོག།

Nguyện kiến-tu-hạnh tự tại an nhiên.

§II.B.4.b.i. KIẾN

§II.B.4.b.i.a. NGUYỆT KIẾN ĐẠI THỦ ÁN (NGẮN)

#9.

ཚོས་རྣམས་ཐམས་ཅད་སེམས་ཀྱི་རྣམ་འཕུལ་ཉི། །

Vạn pháp đều từ nơi tâm hiện ra.

སེམས་ནི་སེམས་མེད་སེམས་ཀྱི་རོབས་སྟོང། །

Tâm vốn không tâm, thật tánh vốn không.

སྟོང་ཞིང་མ་འགག་ཅིར་ཡང་སྤང་བ་སྟེ། །

Không nên không diệt, hiện đủ sắc tướng.

ལེགས་པར་རྟགས་ན་གཞི་རྩ་ཚོད་པར་ཤོག།

Nguyện khéo quán chiếu, đoạn hết mê lầm về thể của tâm.

§II.B.4.b.i.b GIẢNG RỘNG VỀ KIẾN

§II.B.4.b.i.b.1 NGUYỆT CHÚNG VẠN PHÁP LÀ TÂM

#10.

ཡོད་མ་སྒྲོང་བའི་རང་སྤང་ཡུལ་དུ་འབྱུང། །

Tự tướng vốn không, lại lầm là cảnh;

མ་རིག་དབང་གིས་རང་རིག་བདག་ཏུ་འབྱུང། །

Vô minh xui khiến, nhìn vào minh giác lại thấy là tôi;

གཉིས་འཛིན་དབང་གིས་སྲིད་པའི་གྲོང་དུ་འབྱུངས། །

Chấp nhị chi phối, trôi lăn luân hồi:

མ་རིག་འབྱུང་པའི་རྩ་དང་ཚོད་པར་ཤོག།

Nguyện đoạn vô minh, gốc của mê vọng.

§II.B.4.b.i.b.2 NGUYỆT SIÊU VIỆT THƯỜNG ĐOẠN

#11.

ཡོད་པ་མ་ཡིན་རྒྱལ་བས་ཀྱང་མ་གཟིགས། །

Chẳng phải là có, vì chính Phật cũng chưa từng thấy qua;
མེད་པ་མ་ཡིན་འཁོར་འདས་ཀྱི་གཞི། །
Chẳng phải là không, vì là nền tảng sinh tử, niết bàn;
འགལ་དུ་མ་ཡིན་ཟུང་འཇུག་དབྱེ་མའི་ལམ། །
Chẳng phải mâu thuẫn, hợp nhất trung đạo:
མཐའ་བྲལ་སེམས་ཀྱི་ཚེས་ཉིད་རྟོགས་པར་ཤོག།
Nguyện chúng được tâm siêu việt cực đoan.

§II.B.4.b.i.b.3 NGUYỆN SIÊU VIỆT CÓ-KHÔNG

#12.
འདི་ཡིན་ཞེས་པ་གང་གིས་མཚོན་པ་མེད། །
Lấy gì khẳng định rằng “chính là nó;”
འདི་མིན་ཞེས་བྱ་གང་གིས་བཀག་པ་མེད། །
Lấy gì phủ định rằng “không phải nó;”
སློལ་ས་འདས་པའི་ཚེས་ཉིད་འདུས་མ་བྱས། །
Chân tánh vạn pháp, siêu việt khái niệm, không phải hữu vi:
ཡང་དག་དོན་གྱི་མཐའ་ཅི་ངེས་པར་ཤོག།
Nguyện biết xác quyết thắng nghĩa cứu cánh.

§II.B.4.b.i.b.4 NGUYỆN CHỨNG TÁNH KHÔNG DUYÊN KHỞI BẤT NHỊ

#13.
འདི་ཉིད་མ་རྟོགས་འཁོར་བའི་རྒྱ་མཚོར་འཁོར། །
Vì chưa chúng nên trầm luân biển khổ,
འདི་ཉིད་རྟོགས་ན་སངས་རྒྱས་གཞན་ན་མེད། །
Nếu đã chúng rồi, Phật chẳng đâu khác.
ཐམས་ཅད་འདི་ཡིན་འདི་མིན་གང་ཡང་མེད། །
Vạn pháp không gì là “thị” hay “phi,”
ཚེས་ཉིད་ཀྱན་གཞིའི་མཚང་ནི་རིག་པར་ཤོག།
Nguyện con chúng được pháp tánh kín mật, bản thể vạn pháp.

§II.B.4.b.i.b.5 NGUYỆN ĐOẠN TRỪ NGHI HOẶC VỀ BẢN THỂ

#14.
སྤང་ཡང་སེམས་ལ་སྤོང་ཡང་སེམས་ཡིན་ཏེ། །
Cảnh hiện là tâm; không cũng là tâm;
རྟོགས་ཀྱང་སེམས་ལ་འཇུག་ཡང་རང་གི་སེམས། །
Chứng ngộ là tâm; mê cũng là tâm;
སྐྱེས་ཀྱང་སེམས་ལ་འགགས་ཀྱང་སེམས་ཡིན་པས། །
Sinh cũng là tâm; diệt cũng là tâm:

ལྷོ་འདོགས་ཐམས་ཅད་སེམས་ལ་ཚོད་པར་ཤོག།

Mê lằm về tâm, nguyện đoạn trừ cả.

§II.B.4.b.ii. TU

§II.B.4.b.ii.a. LỜI NGUYỆN TỔNG QUÁT CHO PHÁP THIÊN ĐẠI THỦ ẤN

#15.

ལྷོས་བྱས་ཚོལ་བའི་སྐྱེས་གྱིས་མ་སྐྱེད་ཅིང་། །

Không nhiễm vì niệm thao tác pháp thiên;

ཐ་མལ་འདུ་འཛིན་རླུང་གིས་མ་བསྐྱོད་པར། །

Không loạn vì khí động việc thể gian;

མ་བཅོས་གཉུག་མ་རང་བའི་འཛོག་ཤེས་པའི། །

Biết tự an trú trong tánh tự nhiên không cần dụng công

སེམས་དོན་ཉམས་ལེན་མཁམས་ཤིང་སྐྱོད་བར་ཤོག།

Nguyện nghĩa của tâm, khéo tu và giữ.

§II.B.4.b.ii.b. LỜI NGUYỆN CHI TIẾT CHO PHÁP THIÊN ĐẠI THỦ ẤN

§II.B.4.b.ii.b.1 NGUYỆN ĐẠT TỊNH CHỈ

#16.

ཕྱ་རག་རྟོགས་པའི་བླ་རྒྱལ་རང་སར་ཞི། །

Cho bao sóng niệm thô tế tự lặn;

གཡོ་མེད་སེམས་ཀྱི་རྒྱུ་རང་གིས་གནས། །

Cho dòng sông tâm yên lắng tự nhiên;

བྱིང་རླུགས་སྟོག་པའི་དྲི་མ་དང་བྲལ་བའི། །

Thoát li cấu nhiễm hôn trầm trạo cử:

ཞི་གནས་རྒྱ་མཚོ་མི་གཡོ་བརྟན་པར་ཤོག།

Nguyện biển tịnh chỉ bất động vững vàng.

§II.B.4.b.ii.b.2 NGUYỆN ĐẠT TUỆ QUÁN

#17.

བསྟར་མེད་སེམས་ལ་ཡང་ཡང་བསྟམས་པའི་ཚེ། །

Nhìn đi nhìn lại tâm không thể thấy

མཐོང་མེད་དོན་ནི་ཇི་བཞིན་ལྷག་གེར་མཐོང་། །

Điều không thể thấy hiển hiện rõ ràng đúng như sự thật;

ཡིན་མིན་དོན་ལ་ཐེ་ཚོམ་ཚོད་མ་ཉིད། །

Nghi hoặc có-không, đoạn lìa hết thấy:

འཇུལ་མེད་རང་དོར་བའི་སེམས་པར་ཤོག།

Nguyện thoát mê vọng, chứng diện mục mình

§II.B.4.b.ii.b.3 NGUYỆN NHÌN RA CHÂN TÁNH

#18.

ཡུལ་ལ་བལྟས་པས་ཡུལ་མེད་སེམས་སུ་མཐོང་། །

Nhìn vào nơi cảnh, thấy tâm không cảnh

སེམས་ལ་བལྟས་པས་སེམས་མེད་པོ་བོས་རྟོང་། །

Nhìn vào nơi tâm, thấy tánh không tâm

གཉེས་ལ་བལྟས་པས་གཉེས་འཛིན་རང་སར་གྲོལ། །

Nhìn vào cả hai, nhị chấp tự thoát:

འོད་གསལ་ལ་སེམས་ཀྱི་གནས་ལུགས་རྟོགས་པར་ཤོག།

Chứng tánh tự nhiên bản giác diệu minh.

§II.B.4.b.ii.b.4 NGUYỆN ĐẮC NGHĨA VIÊN THÔNG

#19.

ཡིད་བྱེད་བྲལ་བ་འདི་ནི་ཕྱག་རྒྱ་ཆེ། །

Thoát ly động niệm là đại thủ ấn;

མཐའ་དང་བྲལ་བ་དབུ་མ་ཆེན་པོ་ཡིན། །

Lìa mọi cực đoan là đại trung đạo;

འདི་ནི་ཀུན་འདུས་རྫོགས་ཆེན་ཞེས་ཀྱང་བྱ། །

Đủ cả, nên gọi là đại viên mãn:

གཅིག་ཤེས་ཀུན་དོན་རྟོགས་པའི་གདེང་ཐོབ་ཤོག།

Nguyện con đoan chắc: một trí chứng đắc, vạn nghĩa tỏ tường.

§II.B.4.b.ii.b.5 NGUYỆN VÀO CẢNH GIỚI THIÊN TOÀN HẢO

#20.

ཞེན་པ་མེད་པའི་བདེ་ཆེན་རྒྱུ་ཆད་མེད། །

Đại lạc vô trước một dòng không dứt;

མཚན་འཛིན་མེད་པའི་འོད་གསལ་སློབ་གཞི་གསལ་བྲལ། །

Diệu minh vô chấp lìa mọi chướng che;

སློ་ལས་འདས་པའི་མི་རྟོག་ལྷན་གྱིས་སྐྱབ། །

Siêu việt niệm tướng, vô niệm tự thành:

རྩོལ་མེད་ཉམས་སྤོང་རྒྱུ་ཆད་མེད་པར་ཤོག།

Cảnh vô dụng công, nguyện không gián đoạn.

§II.B.4.b.ii.b.6 NGUYỆN THẬT CHỨNG

#21.

བཟང་ཞེན་ཉམས་ཀྱི་འཛིན་པ་//རང་སར་གྲོལ། །

Tâm chấp cảnh thiện giải thoát tự nhiên;

ངན་རྟོག་འཁྲུལ་པ་// རང་བཞིན་དབྱིངས་སུ་དག

Nghịch tâm vọng cảnh, tan vào tự tánh;

ཐ་མལ་ཤེས་པ་སྒྲུབ་སྒྲུབ་གྲུབ་ཐོབ་མེད། །

Tâm vốn bình thường, chẳng hề lấy bỏ, không có chứng đắc:

སྒྲོས་བྲལ་ཚེས་ཉིད་བདེན་པ་རྟོགས་པར་ཤོག

Nguyện chứng sự thật chân tánh vạn pháp lìa mọi hý luận.

§II.B.4.b.iii. HẠNH

§II.B.4.b.iii.a. NGUYỆN KHỞI ĐẠI BI

#22.

འགྲོ་བའི་རང་བཞིན་རྟོག་ཏུ་སངས་རྒྱལ་ཡུང། །

Chúng sinh tự tánh luôn là Phật tánh,

མ་རྟོགས་དབང་གིས་མཐའ་མེད་འཁོར་བར་འཁྲུམས། །

Bởi vì không biết mà phải trầm luân sinh tử vô biên,

སྤུག་བསྐྱལ་སྤུ་མཐའ་མེད་པའི་སེམས་ཅན་ལ། །

Khổ đau bức bách, cùng cực triển miên:

བཟོད་མེད་སྤྱིང་རྗེ་རྒྱུད་ལ་སྐྱེ་བར་ཤོག

Nguyện tâm đại-bi-khôn-kham dừng phát.

§II.B.4.b.iii.b. NGUYỆN BI TRÍ BẤT NHỊ

#23.

བཟོད་མེད་སྤྱིང་རྗེའི་ཚུལ་ཡང་མ་འགགས་པ་པའི། །

Đại-bi-khôn-kham, thị hiện bất tận,

བརྗེ་དུས་རོབོ་སྤྱིང་དོན་རྗེན་པར་ཤར། །

Từ lòng thương này trần trụi phơi bày ý nghĩa tánh không.

ཟུང་འཇུག་གོལ་ས་བྲལ་བའི་ལམ་མཚོག་འདི། །

Thăng đạo hợp nhất, thoát lối mê lầm:

འབྲལ་མེད་ཉིན་མཚན་ཀུན་ཏུ་བསྐྱོམ་པར་ཤོག

Ngày cũng như đêm nguyện luôn tu tập.

§II.B.5. NGUYỆN VIÊN THÀNH ĐẠO QUẢ

#24.

སྒོམ་སྒོམས་ལས་བྱུང་སྤྱན་དང་མཛོན་ཤེས་དང། །

Nhờ đắc thiền nên sinh nhãn, thần thông;

སེམས་ཅན་སྤྲིན་བྱས་སངས་རྒྱལ་ཞིང་རབ་སྤྱུངས། །

Thành thực chúng sinh; thanh tịnh cõi Phật;

སངས་རྒྱལ་ཚེས་རྣམས་འགྲུབ་པའི་སྤྲོན་ལམ་རྗོགས། །

Viên thành đại nguyện làm việc Phật làm,

རྫོགས་མིན་སྤངས་གསུམ་མཐར་ཕྱིན་སངས་རྒྱལ་ཤོག།

Rốt ráo cả ba—viên, tịnh, và thực—nguyện thành Phật quả.

#25.

ཕྱོགས་བརྒྱའི་རྒྱལ་བ་སྤམ་བཅས་སྤྲུགས་རྗེ་དང། །

Nương lực từ bi của Phật bồ tát ở khắp mười phương;

རྣམས་དཀར་དག་བ་ཇི་སྟེ་དམོ་དཔའི་མཐུས། །

Và nương năng lực thiện nghiệp công đức

དེ་ལྟར་བདག་དང་སེམས་ཅན་ཐམས་ཅད་ཀྱི། །

Nguyện con cùng với hết thảy chúng sinh

སློན་ལམ་རྣམ་དག་ཇི་བཞིན་འགྲུབ་གྱུར་ཅིག།

Có bao nguyện lành đều thành sự thật.

ངེས་དོན་ཕྱག་རྒྱ་ཚེན་པོའི་སློན་ལམ་ཞེས་བྱ་བ་རྗེ་རང་བྱུང་དོ་རྗེས་མཛད་པའོ། །

Đại Thủ Ấn Liễu Nghĩa Nguyện Tụng, do Pháp Vương Karmapa Rangjung Dorje trước tác.